TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ V** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21 – 02 - 2023
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Kim Ngọc
2. Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Sơn Thanh Phong là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 21 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: ấp Phú Nghĩa, xã Phú Hữu, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng Q, sinh năm 1986.

Địa chỉ: khu vực 6, phường III, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn bà T có mặt, bị đơn ông Q xin vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

- Nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày: Bà và ông Nguyễn Hoàng Q chung sống với nhau và đến năm 2014 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Hữu, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không thể hòa hợp, thường xuyên xảy ra cự cãi. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên nguyên đơn bà T yêu

cầu Tòa án xem xét giải quyết cho bà được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Hoàng Q.

Về con chung: Có 01 con chung, Nguyễn Khánh V (giới tính nữ), sinh 30/8/2014. Khi ly hôn, yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

- *Bị đơn ông Nguyễn Hoàng Q tại đơn yêu cầu trình bày:* Ông và bà Trần Thị T kết hôn năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã Phú Hữu, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Khánh V (nữ), hiện nay con chung do vợ tôi nuôi dưỡng. Về tài sản chung thì vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung. Hiện nay, do ông bận đi làm công ty nên ít về nhà, ông và bà T có cự cãi với nhau nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong gia đình. Nay bà T xin ly hôn với ông thì ông không đồng ý, vì ông còn thương vợ con, nên mong muốn được hàn gắn với bà T.

- Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn bà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn ông Q xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị T khởi kiện ông Nguyễn Hoàng Q địa chỉ khu vực 6, phường III, thành phố V, tỉnh Hậu Giang; bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà và ông Q ly hôn, nuôi con nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "ly hôn và tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Q có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Hoàng Q kết hôn trên cơ sơ tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Hữu, huyện C, tỉnh Hậu Giang vào năm 2014 đúng theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không thể hàn gắn và cuộc sống chung không thể kéo dài. Nay nguyên đơn bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Q và ông Q không đồng ý ly hôn. Nhận thấy, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T ly hôn ông Q là có căn cứ và đúng quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung, Nguyễn Khánh V (giới tính nữ), sinh 30/8/2014. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và cháu V có nguyện vọng được sống với mẹ. Nên

Hội đồng xét xử quyết định giao cháu V cho bà T nuôi dưỡng. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Nguyễn Hoàng Q không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Q chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do bà T không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà T phải chịu 300.000 đồng, được chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001632 ngày 11/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V thành án phí, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T ly hôn với ông Nguyễn Hoàng Q.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Khánh V (giới tính: nữ), sinh ngày 30/8/2014 cho bà Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Nguyễn Hoàng Q không ai được quyền cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông Nguyễn Hoàng Q chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do bà T không yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng*), được chuyển 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001632 ngày 11/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Thị T được quyền kháng cáo

bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Nguyễn Hoàng Q vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Tp V
- Cơ quan THADS Tp V
- UBND xã Phú Hữu, h C tỉnh Hậu Giang;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

Trần Thị Phương